ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 163 /2026/QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 85/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức hoạt động giáo dục tăng cường và hoạt động giáo dục theo nhu cầu người học tại các cơ sở giáo dục phổ thông;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 5363/TTr-SGDĐT ngày 30 tháng 9 năm 2026 về việc ban hành Quyết định quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao); Tờ trình số 6123/TTr-SGDĐT ngày 29 tháng 10 năm 2026 về việc bổ sung nội dung Tờ trình số 5363/TTr-SGDĐT ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo và Tờ trình số 6464 /TTr-SGDĐT ngày 13 tháng 11 năm 2026 về việc tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Quyết định của UBND Thành phố quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao).

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao).

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao); học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên học chương trình giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội.

2. Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao); trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên của thành phố Hà Nội.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục; Ủy ban nhân dân các phường, xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Danh mục, mức thu (mức trần) các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo

(quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 4. Cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo

1. Tổ chức thu các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo

Căn cứ mức trần tại Quyết định, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm xây dựng dự toán chi phí để xác định mức thu cụ thể, được thỏa thuận bằng văn bản với cha mẹ (hoặc người giám hộ) học sinh trên tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch, bảo đảm không vượt mức trần quy định; báo cáo cơ quan quản lý theo phân cấp (Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Ủy ban nhân dân các phường, xã) để theo dõi, kiểm tra, giám sát.

Chỉ thực hiện thu khi người học có nhu cầu và tự nguyện tham gia sử dụng dịch vụ; không thu đối với nội dung đã được ngân sách nhà nước bảo đảm, nội dung thuộc chương trình giáo dục bắt buộc. Khi thực hiện các khoản thu, đối với những nội dung đã được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ hoặc đã được bố trí từ nguồn kinh phí khác theo quy định, thực hiện thu từ người học phần chênh lệch (nếu có).

2. Quản lý và sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo

Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm sử dụng các khoản thu đúng mục đích, công khai, minh bạch. Các cơ sở giáo dục được tự chủ quyết định các khoản chi để cung cấp dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán; mở sổ sách kế toán, sử dụng, quản lý chứng từ, tổ chức hạch toán, theo dõi riêng đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác doanh thu và phân bổ đầy đủ, chính xác chi phí đối với từng hoạt động; đăng ký, kê khai, nộp đủ thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo tài chính đúng, kịp thời với các cơ quan quản lý cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định. Thực hiện chế độ công khai theo quy định.

Trường hợp dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo có chênh lệch thu (bao gồm thu từ người học và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định) nhỏ hơn chi, đơn vị tính toán bù đắp khoản thiếu hụt bằng các nguồn kinh phí hợp pháp của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bù.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc theo phân cấp quản lý thực hiện các quy định tại Quyết định này đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra việc thực hiện Quyết định này tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc theo phân cấp quản lý. Kịp thời xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp thu, chi không đúng quy định.

c) Trong quá trình thực hiện, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức rà soát, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung kịp thời bảo đảm phù hợp thực tế và quy định pháp luật.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này.

3. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan làm tốt công tác tuyên truyền về mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo để các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hiểu và đồng thuận.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các phường, xã

a) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc theo phân cấp quản lý thực hiện các quy định tại Quyết định này đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định.

b) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quyết định này tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc theo phân cấp quản lý. Kịp thời xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp thu, chi không đúng quy định.

5. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục công lập

a) Thực hiện các quy định tại Quyết định này đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định.

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu làm căn cứ xác định mức thu; chịu trách nhiệm giải trình với xã hội về việc xác định mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

c) Có chế độ miễn, giảm phù hợp đối với học sinh thuộc diện chính sách hoặc có hoàn cảnh khó khăn.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố Hà Nội phối hợp trong công tác tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Quyết định.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hoạt động giáo dục kỹ năng sống (cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông) và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) do cơ sở giáo dục công lập trực tiếp thực hiện đã được phê duyệt hoặc triển khai thực hiện trước ngày 15 tháng 11 năm 2026 theo quy định tại Nghị quyết số 60/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc năm học 2026-2027, nhưng phải bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 24 của Thông tư số 85/2026/TT-BGDĐT và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 12 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND Thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Trung tâm TT, DL & CNS Thành phố;
- Công báo Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, KGVX

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thu Hà

Phụ lục

Danh mục các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)

(Kèm theo Quyết định số 163 /2026/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Danh mục dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo	Đơn vị tính	Mức trần	Ghi chú
1	Dịch vụ ăn uống, bán trú			
1.1	Dịch vụ tiền ăn của học sinh			
1.1.1	Đối với cấp mầm non			
	Bữa sáng	*Đồng/học sinh/ngày*	*22.000*	
	Bữa trưa và bữa phụ		*35.000*	
1.1.2	Đối với cấp tiểu học			
	Bữa sáng	*Đồng/học sinh/ngày*	*25.000*	
	Bữa trưa và bữa phụ		*45.000*	Mức trần đã bao gồm kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ bữa ăn bán trú theo quy định
1.1.3	Đối với cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông			
	Bữa sáng	*Đồng/học sinh/ngày*	*25.000*	
	Bữa trưa		*45.000*	
1.2	Dịch vụ chăm sóc bán trú	Đồng/học sinh/tháng	235.000	
1.3	Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú (công cụ, dụng cụ, vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân phục vụ cho dịch vụ bán trú)			
1.3.1	Đối với cơ sở giáo dục mầm non	Đồng/học sinh/năm học	200.000	
1.3.2	Đối với cơ sở giáo dục phổ thông		133.000	
2	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ	Đồng/học sinh/giờ	12.000	1 giờ = 60 phút
3	Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (do các cơ sở giáo dục công lập thực hiện)			
3.1	Đối với cơ sở giáo dục mầm non			
	Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)	*Đồng/học sinh/giờ dạy*	*15.000*	*1 giờ dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định*

TT	Danh mục dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo	Đơn vị tính	Mức trần	Ghi chú
3.2	Đối với các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên			
	Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (không bao gồm các nội dung trong chương trình, thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa)	*Đồng/học sinh/tiết dạy*	*15.000*	*1 tiết dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định*
4	Dịch vụ đưa đón người học	Đồng/học sinh/km	10.000	Đưa đón bằng xe ô tô
5	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác (ngoài các dịch vụ đã quy định ở mục trên)			
5.1	Dịch vụ nước uống học sinh	Đồng/học sinh/tháng	16.000	
5.2	Dịch vụ tiền ở của học sinh nội trú tại một số trường có khu nội trú (không bao gồm Trường Phổ thông dân tộc Nội trú)	Đồng/học sinh/tháng	400.000	
5.3	Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (do các cơ sở giáo dục công lập thực hiện)			
5.3.1	Đối với cơ sở giáo dục mầm non			
	Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)	*Đồng/học sinh/giờ dạy*	*15.000*	*1 giờ dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định*
5.3.2	Đối với các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên			
	Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (không bao gồm các nội dung trong chương trình, thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa)	*Đồng/học sinh/tiết dạy*	*15.000*	*1 tiết dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định*